

Số 278^q -QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí năm học 2026 - 2027
đối với sinh viên hệ đại học chính quy tập trung (Đợt 1)

-
- Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/HVCTQG ngày 10/01/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
 - Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
 - Căn cứ Quyết định của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc thu học phí các hệ đào tạo.

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Miễn, giảm học phí (Đợt 1) năm học 2026 - 2027 cho 831 sinh viên các lớp hệ đại học chính quy tập trung; Thời gian miễn, giảm được tính bằng 10 tháng theo quy định của năm học.

Điều 2. Đối với sinh viên các lớp chất lượng cao, các ngành đạt chuẩn chất lượng đào tạo tính phần trăm giảm học phí của hệ đại trà, còn phần chênh lệch sinh viên phải nộp (Có danh sách kèm theo).

Điều 3. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 2 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2026 - 2027 (Đợt 1)**

(Kèm theo Quyết định số 2789/QĐ/HVBC TT ngày 14/8/2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
1	2455310056	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	CTPT_K44	CTH	BỎ TNLĐ	50
2	2454030011	VI THỊ DIỆN	QLC_K44A1	CTH	DT-ĐBKK	70
3	2454030059	HOÀNG NHẬT DƯƠNG	QLC_K44A2	CTH	DT-ĐBKK	70
4	2355310014	PHẠM THỦY DƯƠNG	CTPT_K43	CTH	CTB	100
5	2454030022	NGUYỄN ĐỨC LƯỢNG	QLC_K44A1	CTH	BỎ TNLĐ	50
6	2554030053	LÊ THỊ NGỌC DUNG	QLC_K45A2	CTH	BỎ TNLĐ	50
7	2455310015	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	CTPT_K44	CTH	DT-ĐBKK	70
8	2455310039	MÔNG THỊ THU NHÀI	CTPT_K44	CTH	DT-NGHÈO	100
9	2355380050	NGUYỄN YẾN NHI	TTCS_K43	TT	DT-ĐBKK	70
10	2455310030	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	CTPT_K44	CTH	CTB	100
11	2455310057	BÙI THỊ HỒNG UYÊN	CTPT_K44	CTH	DT-ĐBKK	70
12	2355310022	NGUYỄN THU HƯỜNG	CTPT_K43	CTH	DT-ĐBKK	70
13	2452020038	LÊ TRIỆU NGỌC	XDD_K44A1	XDD	DT-ĐBKK	70
14	2352020008	BÀN VĂN CHIẾN	XDD_K43A1	XDD	DT-NGHÈO	100
15	2452020074	ĐINH THỊ HẢI HẬU	XDD_K44A2	XDD	DT-ĐBKK	70
16	2452020042	BÀN NHƯ QUỲNH	XDD_K44A1	XDD	DT-ĐBKK	70
17	2452020039	BÀN THỊ NHỊ	XDD_K44A1	XDD	DT-NGHÈO	100
18	2352020060	ĐÀM THU HOÀI	XDD_K43A2	XDD	DT-ĐBKK	70
19	2452020106	CAO SINH TÚ	XDD_K44A2	XDD	DT-NGHÈO	100
20	2552020109	MAI DIỆU LINH	XDD_K45A2	XDD	DT-ĐBKK	70
21	2552020053	CHU MẠNH TRƯỜNG	XDD_K45A1	XDD	DT-ĐBKK	70

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
22	2552020026	CHU PHƯƠNG LINH	XDD_K45A1	XDD	DT-ĐBKK	70
23	2552020063	HÀ QUỲNH CHI	XDD_K45A2	XDD	DT-ĐBKK	70
24	2552020058	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	XDD_K45A2	XDD	DT-ĐBKK	70
25	2552020073	NGUYỄN KIM HUỆ	XDD_K45A2	XDD	DT-ĐBKK	70
26	2552020064	NÔNG YẾN CHI	XDD_K45A2	XDD	DT-ĐBKK	70
27	2552020067	LÊ MAI ĐAN	XDD_K45A2	XDD	DT-ĐBKK	70
28	2552020105	HỨA BẢO TRÂN	XDD_K45A2	XDD	DT-ĐBKK	70
29	2452020036	BẾ THỊ NGÀ	XDD_K44A1	XDD	DT-ĐBKK	70
30	2452020028	TRIỆU HOÀNG LAN	XDD_K44A1	XDD	DT-ĐBKK	70
31	2352020047	ĐINH THỊ XUYẾN	XDD_K43A1	XDD	DT-ĐBKK	70
32	2452020025	PHẠM QUANG HUY	XDD_K44A1	XDD	MỆ TNLD	50
33	2552020017	NGUYỄN THỊ HẰNG	XDD_K45A1	XDD	DT-ĐBKK	70
34	2451050016	LỆNH LONG HÀ	TTĐC_K44A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70
35	2456020014	ĐINH QUANG HÙNG	BAOIN_K44	BC-TT	DT-ĐBKK	70
36	2556060028	NGUYỄN SƠN THẢO NGHI	QUAYPHIM_K45	BC-TT	DT-ĐBKK	70
37	2556030006	HOÀNG NGỌC DIỆP	ANH_K45	BC-TT	DT-ĐBKK	70
38	2456050022	TRƯƠNG THỊ KIM HUỆ	TRUYENHINH_K44A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70
39	2556020012	BÙI THỊ MINH HẰNG	BAOIN_K45	BC-TT	CTB	100
40	2556020021	BÙI MAI LAN	BAOIN_K45	BC-TT	BỐ TNLD	50
41	2351050059	MA THỊ XINH	TTĐC_K43A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70
42	2356020022	VŨ THU HUYỀN	BAOIN_K43	BC-TT	DT-ĐBKK	70
43	2356030038	NGUYỄN THỊ TÂM	BAOANH_K43	BC-TT	CBB	100
44	2356080030	ĐẬU THẢO MY	TRUYENHINH(CLC)_K43	BC-TT	BỐ TNLD	50
45	2356020014	BÙI THỊ THU HẰNG	BAOIN_K43	BC-TT	DT-ĐBKK	70
46	2451050035	LÊ HOÀNG MINH	TTĐC_K44A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70
47	2456050071	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	TRUYENHINH_K44A2	BC-TT	BỐ TNLD	50

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
48	2456020012	LƯỜNG KIM HUỆ	BAOIN_K44	BC-TT	DT-ĐBKK	70
49	2356020052	HOÀNG THỊ DIỆU TUYẾT	BAOIN_K43	BC-TT	DT-NGHÈO	100
50	2356020019	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	BAOIN_K43	BC-TT	BỔ TNLĐ	50
51	2556020014	ĐÌNH THU HIỀN	BAOIN_K45	BC-TT	DT-ĐBKK	70
52	2556070018	HỨA HIỀN HẢO	MĐT_K45A1	BC-TT	CTB	100
53	2456040028	TRẦN NGỌC LINH	BPT_K44	BC-TT	BỔ TNLĐ	50
54	2556070012	QUÁCH ĐÔNG CHÍ	MĐT_K45A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70
55	2452010037	TRẦN HIỆU NGÂN	NNA_K44	NN	DT-ĐBKK	70
56	2452010049	PHƯƠNG ĐÌNH THẮNG	NNA_K44	NN	DT-ĐBKK	70
57	2352010020	NGÔ THỊ KHÁNH HẠ	NNA_K43	NN	DT-ĐBKK	70
58	2352010028	ĐOÀN KHÁNH LINH	NNA_K43	NN	DT-ĐBKK	70
59	2452050078	TRIỆU LAN HƯƠNG	QLNN_K44A2	NNPL	DT-ĐBKK	70
60	2452050071	HOÀNG ANH ĐỨC	QLNN_K44A2	NNPL	DT-ĐBKK	70
61	2452050117	NGÔ KHÁNH VY	QLNN_K44A2	NNPL	BỔ TNLĐ	50
62	2452050085	TRẦN DUY NHẬT LINH	QLNN_K44A2	NNPL	DT-ĐBKK	70
63	2452050066	NGUYỄN TIẾN BÌNH	QLNN_K44A2	NNPL	CTB	100
64	2452050065	LUÂN THỊ BÍCH	QLNN_K44A2	NNPL	DT-ĐBKK	70
65	2452050019	BÙI THU HƯƠNG	QLNN_K44A1	NNPL	DT-ĐBKK	70
66	2452050024	ĐÌNH THỊ LIỄU	QLNN_K44A1	NNPL	DT-ĐBKK	70
67	2355320014	PHẠM HƯƠNG GIANG	QLXH_K43	NNPL	DT-ĐBKK	70
68	2552050090	TRƯƠNG KHÁNH NGỌC	QLNN_K45A2	NNPL	DT-ĐBKK	70
69	2552050077	NÔNG TRUNG KIÊN	QLNN_K45A2	NNPL	DT-ĐBKK	70
70	2355370045	ĐÀM LONG VỊNH	QLHCNN_K43	NNPL	DT-NGHÈO	100
71	2552050022	NGUYỄN THỊ THANH KHIẾT	QLNN_K45A1	NNPL	DT-ĐBKK	70
72	2552050032	HÀ THỊ TUYẾT NGÀ	QLNN_K45A1	NNPL	DT-ĐBKK	70
73	2555380016	PHẠM HƯƠNG GIANG	TTCS_K45	TT	BỔ TNLĐ	50

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
74	2555380015	NGUYỄN HUONG GIANG	TTCS_K45	TT	BỔ TNLĐ	50
75	2355380002	LƯỜNG HỒNG ANH	TTCS_K43	TT	DT-ĐBKK	70
76	2355380040	QUÁCH HUƠNG LY	TTCS_K43	TT	DT-NGHÈO	100
77	2455380049	HOÀNG LỆ THOM	TTCS_K44	TT	DT-ĐBKK	70
78	2455380003	LÊ THỊ VÂN ANH	TTCS_K44	TT	MẸ TNLĐ	50
79	2456150047	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	QHCC_K44	QHCC&QC	MÔ CÔI	100
80	2456160033	PHẠM HỮU MẠNH	TTMKT_K44A1	QHCC&QC	DT-ĐBKK	70
81	2458020043	BÙI THỊ THANH THỦY	XBĐT_K44	XB	DT-ĐBKK	70
82	2458020021	ĐỒNG THỊ HUỆ	XBĐT_K44	XB	DT-NGHÈO	100
83	2458020028	BÙI KHÁNH NGÂN	XBĐT_K44	XB	DT-NGHÈO	100
84	2358010054	HOÀNG NGUYỆT TRINH	BTXB_K43	XB	DT-ĐBKK	70
85	2558020010	LÝ MẠNH DUY	XBĐT_K45	XB	DT-ĐBKK	70
86	2458010006	MAI QUỲNH ANH	BTXB_K44	XB	DT-ĐBKK	70
87	2458010025	LÊ VINH KHÁNH	BTXB_K44	XB	BỔ TNLĐ	50
88	2453010007	MA THỊ DIỆP	XHH_K44	XHHPT	DT-ĐBKK	70
89	2453010028	TRẦN CHI MAI	XHH_K44	XHHPT	CTB	100
90	2353010056	LÙ THỊ VÂN	XHH_K43	XHHPT	DT-ĐBKK	70
91	2453010051	BẾ THU THẢO	XHH_K44	XHHPT	DT-ĐBKK	70
92	2451010020	LÝ THỊ NGỌC LANH	CTXH_K44	XHHPT	DT-ĐBKK	70
93	2453010043	HÀ THU PHƯƠNG	XHH_K44	XHHPT	DT-ĐBKK	70
94	2551010003	LÝ PHƯƠNG ANH	CTXH_K45	XHHPT	DT-ĐBKK	70
95	2351010020	SÙNG VIỆN HUỆ	CTXH_K43	XHHPT	DT-ĐBKK	70
96	2555270073	HOÀNG HÙNG HUY	QLKT_45A2	KTCT	DT-ĐBKK	70
97	2355270041	ĐINH THỊ THẢO	QLKT_K43	KTCT	DT-ĐBKK	70
98	2455270159	DƯƠNG VI PHƯƠNG UYÊN	QLKT_K44A3	KTCT	DT-ĐBKK	70
99	2455270094	NGUYỄN TIẾN TÀI	QLKT_K44A2	KTCT	DT-ĐBKK	70

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
100	2355280012	BÙI ĐỨC GIANG	KT&QL(CLC)_K43	KTCT	DT-ĐBKK	70
101	2355290038	QUÁCH THỊ THANH THẢO	KT&QL_K43	KTCT	DT-ĐBKK	70
102	2455270153	HÀ THỊ THỰC	QLKT_K44A3	KTCT	DT-NGHÈO	100
103	2555270032	LỤC KIM NGÂN	QLKT_45A1	KTCT	DT-ĐBKK	70
104	2455270154	BÙI TRỌNG TIẾN	QLKT_K44A3	KTCT	DT-ĐBKK	70
105	2455270146	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	QLKT_K44A3	KTCT	DT-ĐBKK	70
106	2355280014	NGUYỄN THỊ NHẬT HẠ	KT&QL(CLC)_K43	KTCT	DT-ĐBKK	70
107	2355270027	CHẢO TẢ MÂY	QLKT_K43	KTCT	DT-NGHÈO	100
108	2355270012	ĐÀM THỊ MỸ DUYÊN	QLKT_K43	KTCT	DT-ĐBKK	70
109	2555270056	LƯƠNG LAN ANH	QLKT_45A2	KTCT	DT-ĐBKK	70
110	2455270093	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	QLKT_K44A2	KTCT	DT-ĐBKK	70
111	2555270100	BÙI MINH TIẾN	QLKT_45A2	KTCT	DT-ĐBKK	70
112	2454030050	HOÀNG PHƯƠNG ANH	QLC_K44A2	CTH	DT-ĐBKK	70
113	2458020014	HOÀNG LAM GIANG	XBĐT_K44	XB	DT-ĐBKK	70
114	2458020001	LÒ VĂN AN	XBĐT_K44	XB	DT-ĐBKK	70
115	2358020040	HÀ THỊ TÂM	XBĐT_K43	XB	DT-NGHÈO	100
116	2358020044	PHẠM NGỌC THẢO	XBĐT_K43	XB	DT-ĐBKK	70
117	2458010044	TRIỆU THỊ ÁNH NGỌC	BTXB_K44	XB	DT-NGHÈO	100
118	2455300005	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	CTTT_K44A1	TT	MỆ TNLĐ	50
119	2555380031	PHẠM LÊ KHÁNH LINH	TTCS_K45	TT	DT-ĐBKK	70
120	2455300097	HÀ HUYỀN MY	CTTT_K44A2	TT	DT-ĐBKK	70
121	2452010050	HOÀNG THỊ HOÀI THU	NNA_K44	NN	CTB	100
122	2351100012	LÝ THỊ THỦY DUNG	QUANGCAO_K43	QHCC&QC	DT-NGHÈO	100
123	2356030048	HÀ LÊ ANH TUẤN	BAOANH_K43	BC-TT	DT-ĐBKK	70
124	2356050030	LÊ NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	TRUYENHINH_K43	BC-TT	CTB	100
125	2456040059	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	PHATTHANH_K44	BC-TT	BỐ TNLĐ	50

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
126	2356040023	PHAN ĐÀO MAI LINH	PHATTHANH_K43	BC-TT	BỔ TNLĐ	50
127	2553010042	HOÀNG THÙY TIÊN	XHH_K45	XHHPT	MÔ CÔI	100
128	2353010047	GIÀNG THỊ THU THÙY	XHH_K43	XHHPT	DT-ĐBKK	70
129	2456140004	QUÁN THẾ ANH	QHQT&TTTC_K44	QHQT	DT-ĐBKK	70
130	2356100041	LIỄU THÚY NGÀ	TTĐN_K43	QHQT	DT-ĐBKK	70
131	2351070019	NGUYỄN THỊ THÚY HUYỀN	TTQT_K43	QHQT	CTB	100
132	2456100018	ĐẶNG BẾ NGỌC HÀ	TTĐN_K44	QHQT	DT-ĐBKK	70
133	2556110009	LÙ THỊ BÌNH	QHCT&TTQT_K45	QHQT	DT-ĐBKK	70
134	2556110036	PHẠM THỊ ÁNH NGỌC	QHCT&TTQT_K45	QHQT	BỔ TNLĐ	50
135	2556100022	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	TTĐN_K45	QHQT	BỔ TNLĐ	50
136	2356110047	PHÙNG THỊ HÀ THƯƠNG	QHCT&TTQT_K43	QHQT	DT-ĐBKK	70
137	2556100037	NÔNG TRÀ MY	TTĐN_K45	QHQT	DT-ĐBKK	70
138	2356100012	TRẦN PHƯƠNG ANH	TTĐN_K43	QHQT	BỔ TNLĐ	50
139	2351070009	NGUYỄN TRẦN HIỀN CHI	TTQT_K43	QHQT	BỔ TNLĐ	50
140	2356110040	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	QHCT&TTQT_K43	QHQT	BỔ TNLĐ	50
141	2555310024	PHÙNG THẢO LÝ	CTPT_K45	CTH	CTB	100
142	2556050053	BẾ HẢI YẾN	TRUYENHINH_K45A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70
143	2451050104	NGUYỄN ANH THƯ	TTĐC_K44A2	BC-TT	BỔ TNLĐ	50
144	2555270053	DƯƠNG HÀ VI	QLKT_45A1	KTCT	DT-ĐBKK	70
145	2355380020	NÔNG HẢI HÀO	TTCS_K43	TT	DT-ĐBKK	70
146	2356140039	TỔNG TRƯỞNG THÀNH	QHQT&TTTC(CLC)_K43	QHQT	BỔ TNLĐ	50
147	2451010026	NGUYỄN KHÁNH LINH	CTXH_K44	XHHPT	KHUYẾT TẬT	100
148	2454030019	TRẦN NGỌC KHÁNH HUYỀN	QLC_K44A1	CTH	MẸ TNLĐ	50
149	2455270053	ĐẶNG THU VÂN	QLKT_K44A1	KTCT	DT-ĐBKK	70
150	2252020090	PHẠM ANH THƯ	XDD 42	XĐĐ	DT-ĐBKK	70
151	2551040010	NGUYỄN XUÂN BÁCH	TTĐPT_K45A1	BC-TT	DT-ĐBKK	70

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
152	2356030041	NGUYỄN THỊ ANH THU	BAOANH_K43	BC-TT	CTB	100
153	2150080022	Nguyễn Văn Hùng	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
154	2350080001	ĐẶNG TRẦN THẢO ANH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
155	2350080002	ĐÀO QUỲNH ANH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
156	2350080003	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
157	2350080004	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
158	2350080005	DƯƠNG NGỌC THUY CHÂU	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
159	2350080006	NGUYỄN MINH CHÂU	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
160	2350080007	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
161	2350080008	PHAN NGUYỄN MINH CHÂU	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
162	2350080009	PHẠM YẾN CHI	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
163	2350080010	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
164	2350080011	ĐÀO PHƯƠNG HÀ	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
165	2350080012	ĐÀO THU HÀ	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
166	2350080013	KIỀU VŨ HÀ	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
167	2350080014	NGUYỄN THỊ XUÂN HÀ	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
168	2350080015	BÙI THU HUỆ	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
169	2350080017	LÂM NGỌC HUYỀN	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
170	2350080018	ĐÀO DUY HUỖNH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
171	2350080019	LÊ HOÀNG LAM KHÊ	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
172	2350080021	TẠ THỊ NGỌC LỆ	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
173	2350080022	NGUYỄN HÀ LINH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
174	2350080023	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
175	2350080024	NGUYỄN THÙY LINH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
176	2350080025	NGUYỄN KIM LONG	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
177	2350080026	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
178	2350080027	LÊ YẾN NHI	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
179	2350080028	NGUYỄN THỊ ÁNH NHUNG	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
180	2350080029	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
181	2350080030	PHẠM THU PHƯƠNG	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
182	2350080031	ĐỖ NGỌC QUYÊN	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
183	2350080032	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
184	2350080033	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
185	2350080034	NGUYỄN BĂNG TÂM	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
186	2350080035	LƯU MINH THÀNH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
187	2350080036	LÊ THỊ THANH THẢO	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
188	2350080037	MAI PHƯƠNG THẢO	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
189	2350080038	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
190	2350080039	HOÀNG GIA THỦY	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
191	2350080040	ĐỖ THU TRANG	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
192	2350080041	NGUYỄN THỊ THU TRANG	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
193	2350080042	TRẦN QUANG TÚ	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
194	2350080043	BÙI THỊ TUYẾT	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
195	2350080044	NGUYỄN THỊ UYÊN	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
196	2350080045	NGUYỄN HỒNG VÂN	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
197	2350080046	NGUYỄN QUANG VINH	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
198	2350080047	NGUYỄN LÊ VY	CNXHKH_K43	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
199	2450080001	NGUYỄN HOÀNG MINH AN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
200	2450080002	KIỀU DIỆU ANH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
201	2450080003	MAI THUỶ ANH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
202	2450080004	NGUYỄN THÁI HẢI ANH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
203	2450080005	NGUYỄN NGỌC ÁNH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
204	2450080006	NGUYỄN PHƯƠNG CHÂM	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
205	2450080007	ĐẶNG KHÁNH DUNG	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
206	2450080009	CHU THỊ GIANG	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
207	2450080010	ĐỖ LẠI VÂN HÀ	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
208	2450080011	ĐINH NGỌC HUYỀN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
209	2450080012	NGUYỄN LÊ KHÁNH HUYỀN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
210	2450080013	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
211	2450080014	VŨ THỊ THU HUYỀN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
212	2450080015	NGUYỄN LÊ KHANH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
213	2450080016	NGUYỄN BÔI KHIÊM	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
214	2450080017	DƯƠNG HOÀI LINH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
215	2450080018	ĐỖ THỊ PHƯƠNG LINH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
216	2450080019	NGUYỄN HÀ LINH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
217	2450080020	NGUYỄN VI KHÁNH LINH	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
218	2450080021	TĂNG TRẦN LÊ NA	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
219	2450080022	NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
220	2450080023	NGÔ THỊ NGÂN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
221	2450080024	VŨ KIM NGÂN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
222	2450080026	NGUYỄN TRUNG NGUYÊN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
223	2450080027	PHẠM THẾ NGUYÊN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
224	2450080028	TẠ THỊ MINH NGUYỆT	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
225	2450080029	VŨ YẾN NHI	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
226	2450080030	DƯƠNG THỊ PHI NHUNG	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
227	2450080031	VŨ HỮU PHÚC	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
228	2450080032	NGUYỄN HÀ QUYÊN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
229	2450080033	LÊ TIẾN SỸ	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
230	2450080034	LÊ ĐỨC TÂM	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
231	2450080035	SÀO THANH THẢO	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
232	2450080036	NGUYỄN ANH THU	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
233	2450080037	VŨ HOÀI THƯƠNG	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
234	2450080038	NGUYỄN MAI THY	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
235	2450080039	NGUYỄN PHƯƠNG TRÀ	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
236	2450080040	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
237	2450080043	TĂNG THỊ HUYỀN TRANG	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
238	2450080044	LÊ THỊ THÙY TRÂM	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
239	2450080045	NGUYỄN THẾ TRỌNG	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
240	2450080046	HOÀNG THU UYÊN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
241	2450080047	NGÔ THANH VÂN	CNXHKH_K44	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
242	2550080001	VŨ THỊ MINH AN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
243	2550080002	HỒ THỊ VÂN ANH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
244	2550080003	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
245	2550080004	NGUYỄN HẢI ANH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
246	2550080005	LÊ MINH CHÂU	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
247	2550080006	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
248	2550080007	ĐỖ LAN CHINH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
249	2550080008	PHÙNG TIẾN ĐẠT	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
250	2550080009	KHÚC TRÀ GIANG	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
251	2550080010	PHẠM THU HÀ	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
252	2550080012	NGUYỄN THỊ VĨNH HÒA	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
253	2550080013	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
254	2550080014	THÁI THỊ KHÁNH HUYỀN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
255	2550080015	ĐẶNG MAI HƯƠNG	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
256	2550080016	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
257	2550080017	NGUYỄN MAI LIÊN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
258	2550080018	NGUYỄN KHÁNH LINH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
259	2550080019	NGUYỄN THÙY LINH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
260	2550080020	PHẠM MỸ LINH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
261	2550080021	TRẦN KHÁNH LINH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
262	2550080023	VŨ THỊ THẢO LY	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
263	2550080024	TRẦN TRÀ MY	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
264	2550080025	LÂU THỊ MINH NGỌC	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
265	2550080026	PHẠM HỒNG NGỌC	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
266	2550080027	NGÔ THỊ BÍCH NGUYỆT	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
267	2550080028	NGÔ THỊ BẢO NHI	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
268	2550080029	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
269	2550080030	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
270	2550080031	NGUYỄN YẾN NHI	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
271	2550080032	NGÔ BẢO QUYÊN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
272	2550080033	NGUYỄN HỒNG QUỲNH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
273	2550080035	VŨ THÁI SƠN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
274	2550080036	HOÀNG THANH THẢO	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
275	2550080037	VŨ THANH THẢO	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
276	2550080038	VŨ THUY PHƯƠNG THẢO	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
277	2550080039	NGUYỄN VĂN THÊM	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
278	2550080041	TRẦN ANH THƯ	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
279	2550080042	NGUYỄN KIỀU TRANG	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
280	2550080043	TRẦN HUYỀN TRÂN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
281	2550080044	NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
282	2550080045	TÔNG THU UYÊN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
283	2550080046	ĐÀO THỊ CẨM VÂN	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
284	2550080047	VŨ MẠNH CƯỜNG	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
285	2550080048	TẠ THÙY TRANG LINH	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
286	2550080049	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	CNXHKH_K45	CNXHKH	CN Mác-Lênin	100
287	2350100002	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
288	2350100003	NGUYỄN TRẦN LAN ANH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
289	2350100004	PHAN NGUYỄN HOÀNG ANH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
290	2350100005	NGUYỄN HỒNG ÁNH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
291	2350100007	ĐINH DIỆU CHÂU	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
292	2350100008	MAI THỊ THÚY DỊU	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
293	2350100010	BÙI THỊ HẢI	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
294	2350100011	BÙI THỊ HÒA	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
295	2350100012	LÒ VĂN HOÀN	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
296	2350100014	TĂNG THỊ THÚY HỒNG	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
297	2350100015	NGUYỄN LAN HƯƠNG	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
298	2350100017	KIỀU BẢO KHANG	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
299	2350100018	LÙ VĂN KHÁNH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
300	2350100019	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAM	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
301	2350100020	NGUYỄN THÁI NGỌC LINH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
302	2350100021	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
303	2350100022	NGUYỄN THỊ CẨM LY	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
304	2350100024	LÊ YẾN NHI	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
305	2350100025	LÊ ĐỖ KIM OANH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
306	2350100026	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
307	2350100027	MAI HẠNH HỒNG PHÚC	LSĐ_K43	LSĐ	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
308	2350100028	HÀ ĐỨC QUÂN	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
309	2350100029	ĐỖ THỊ THU QUẾ	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
310	2350100030	NGUYỄN HỮU SÁNG	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
311	2350100033	NGUYỄN SÁNG TẠO	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
312	2350100034	MA THỊ THẢO	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
313	2350100035	LƯƠNG ANH THƠ	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
314	2350100036	NGUYỄN THỊ KIM THOA	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
315	2350100037	ĐOÀN THỊ ANH THƯ	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
316	2350100038	BÙI MINH THUẬN	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
317	2350100039	TRẦN THỊ THƯƠNG	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
318	2350100040	LÊ TRUNG TRỰC	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
319	2350100042	TRẦN THỊ MỸ VĂN	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
320	2350100043	PHẠM THỊ HIỀN VI	LSD_K43	LSD	CN Mác-Lênin	100
321	2450100001	ĐỖ HÀ DUY ANH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
322	2450100002	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
323	2450100003	HÀ PHƯƠNG ANH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
324	2450100004	NGUYỄN VŨ NAM ANH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
325	2450100005	PHẠM THỊ MAI ANH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
326	2450100006	TỔNG DUY ANH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
327	2450100008	CAO XUÂN BÁCH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
328	2450100009	LÊ PHƯƠNG BẮC	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
329	2450100010	HÀN THỊ LINH CHI	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
330	2450100011	TƯỜNG THU DIỆP	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
331	2450100012	PHẠM MINH DUY	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
332	2450100013	ĐỖ THỊ DUYÊN	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
333	2450100014	NGUYỄN VĂN ĐẠI	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
334	2450100015	NGUYỄN THẾ GIANG	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
335	2450100016	ĐỖ THANH HÀ	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
336	2450100017	TRẦN THỊ HẠNH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
337	2450100018	HOÀNG CÔNG HÀO	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
338	2450100019	ĐÈO THỊ THU HẰNG	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
339	2450100021	PHẠM THU HIỀN	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
340	2450100022	VĂN TRỌNG HIẾU	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
341	2450100023	NGUYỄN VĂN HÙNG	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
342	2450100024	ĐÀO XUÂN HUY	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
343	2450100025	HOÀNG ĐỨC HUY	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
344	2450100026	ĐÀO THU HƯƠNG	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
345	2450100027	TRẦN PHẠM MAI KHUÊ	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
346	2450100028	LÊ NGỌC TRƯỜNG KỶ	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
347	2450100029	BÙI THỊ THANH LAM	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
348	2450100030	BÙI ĐẶNG NGỌC LINH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
349	2450100031	LÊ PHƯƠNG LINH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
350	2450100032	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
351	2450100033	NÔNG BÍCH LOAN	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
352	2450100034	NGUYỄN HOÀNG HẢI LONG	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
353	2450100035	NGUYỄN THỊ QUÝ LƯƠNG	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
354	2450100036	LƯƠNG KHÁNH LY	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
355	2450100038	NGUYỄN VĂN MINH	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
356	2450100039	NGUYỄN THỊ MONG	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
357	2450100040	NGUYỄN BẢO NGỌC	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
358	2450100042	BÙI HỒNG NGUYỄN	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100
359	2450100043	LÊ VĂN NGUYỄN	LSD_K44	LSD	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
360	2450100044	BÙI MINH NHẬT	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
361	2450100045	HOÀNG THÚY NHI	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
362	2450100046	NGUYỄN LAN NHI	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
363	2450100047	TỪ ÁI NHI	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
364	2450100048	TRẦN YÊN NHI	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
365	2450100050	HỒ MINH PHƯƠNG	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
366	2450100051	TRƯƠNG MINH QUANG	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
367	2450100052	BÊ HỒNG QUÂN	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
368	2450100053	HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
369	2450100054	ĐỖ QUANG THÁI	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
370	2450100055	HỒ PHƯƠNG THANH	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
371	2450100057	BÙI THỊ THÚY	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
372	2450100058	ĐÀM THỊ PHƯƠNG THÚY	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
373	2450100059	NGUYỄN THU TRANG	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
374	2450100061	VI THÙY TRANG	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
375	2450100062	TRỊNH THỊ THÙY TRINH	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
376	2450100063	LÊ ĐAN MỸ UYÊN	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
377	2450100064	NGUYỄN TÚ UYÊN	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
378	2450100065	NÔNG THỊ HUYỀN VI	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
379	2350100041	LÊ XUÂN TƯỜNG	LSĐ_K44	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
380	2550100001	VŨ THỊ HẢI AN	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
381	2550100002	HOÀNG HÀ ANH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
382	2550100003	LÊ TRUNG ANH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
383	2550100004	NGÔ ĐỨC ANH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
384	2550100005	NGUYỄN HOÀNG ANH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
385	2550100006	PHAN MỸ ANH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
386	2550100007	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
387	2550100008	HÀ KHÁNH BẢO	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
388	2550100009	NGÔ QUANG BẢO	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
389	2550100010	NGUYỄN MINH CHÂU	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
390	2550100011	ĐÀO ĐỨC CƯỜNG	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
391	2550100012	NGUYỄN THẢO DIỆP	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
392	2550100013	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
393	2550100015	LƯƠNG HƯƠNG GIANG	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
394	2550100016	NINH QUỐC HÀO	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
395	2550100017	ĐẶNG HẢI HẰNG	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
396	2550100019	NGUYỄN TRẦN MINH HOÀNG	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
397	2550100020	VÕ THỊ KHÁNH HUYỀN	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
398	2550100021	BÙI THỊ THIÊN HƯƠNG	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
399	2550100023	BÙI NGUYỄN KHÁNH LINH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
400	2550100024	CHU KHÁNH LINH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
401	2550100025	NGUYỄN HÀ LINH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
402	2550100026	ĐÀO THỊ HỒNG LUYẾN	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
403	2550100028	NGÔ THỊ KHÁNH LY	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
404	2550100029	LÒ HOÀNG MINH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
405	2550100030	MAI BÍCH NGỌC	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
406	2550100031	PHẠM THẢO NHI	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
407	2550100032	SÂM THỊ YẾN NHI	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
408	2550100033	NGUYỄN THỊ OANH	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
409	2550100035	NGUYỄN NGỌC HOÀNG PHÚC	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
410	2550100036	TÔN MINH PHƯỢNG	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
411	2550100037	THÁI DOÃN HOÀNG QUÂN	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
412	2550100038	PHẠM TIÊU QUYÊN	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
413	2550100039	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
414	2550100041	PHẠM THỊ PHƯƠNG THÙY	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
415	2550100042	NGUYỄN THỊ ANH THU	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
416	2550100043	ĐÀM THÙY TRANG	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
417	2550100045	PHẠM TUẤN TRÚC	LSĐ_K45	LSĐ	CN Mác-Lênin	100
418	2351020001	LÊ ĐỨC ANH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
419	2351020003	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
420	2351020004	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
421	2351020005	PHẠM THỊ QUẾ ANH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
422	2351020006	NGUYỄN NGỌC ÁNH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
423	2351020007	VŨ THỊ NGỌC BÍCH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
424	2351020008	LỤC THỊ BÌNH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
425	2351020010	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
426	2351020012	NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
427	2351020014	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
428	2351020016	NGUYỄN THỊ HÀ	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
429	2351020017	BÙI XUÂN HẢI	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
430	2351020018	LƯƠNG THỊ HOA	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
431	2351020019	VÕ THỊ HOÀI	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
432	2351020020	NGUYỄN THU HUYỀN	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
433	2351020021	LÊ THỊ NGỌC LAN	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
434	2351020022	PHAN THỊ HOÀNG LAN	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
435	2351020024	BÙI KHÁNH LINH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
436	2351020025	HOÀNG NGỌC LINH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
437	2351020027	NGUYỄN HỒNG NGỌC	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
438	2351020032	NGUYỄN THÙY QUYÊN	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
439	2351020033	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
440	2351020034	TRỊNH TRÚC QUỲNH	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
441	2351020035	NGÔ VĂN THÁI	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
442	2351020037	BÙI THỊ THẢO	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
443	2351020038	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
444	2351020039	HOÀNG THU THẢO	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
445	2351020040	VŨ THỊ THẢO	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
446	2351020043	PHẠM PHƯƠNG THÙY	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
447	2351020044	CHU THỊ THỦY	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
448	2351020046	VŨ MINH TRANG	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
449	2351020048	ĐẶNG THỊ THANH XUÂN	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
450	2351020050	Sengathit SOUV ANTHONG	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
451	2351020049	Sinakhone OUTTHA VONG	KTCT_K43	KTCT	CN Mác-Lênin	100
452	2451020001	ĐỖ NGỌC VIỆT ANH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
453	2451020002	NGUYỄN THỊ LAN ANH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
454	2451020004	PHẠM THỊ LAN ANH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
455	2451020005	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
456	2451020006	HOÀNG HÀ NGỌC ÁNH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
457	2451020007	TRẦN ĐÌNH CẨM	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
458	2451020009	LÊ TRẦN ANH CHIẾN	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
459	2451020010	HOÀNG KHÁNH DƯƠNG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
460	2451020011	HOÀNG THỊ ÁNH DƯƠNG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
461	2451020012	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
462	2451020013	NGUYỄN THỊ DƯƠNG ĐOÀI	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
463	2451020014	PHẠM PHÚ ĐỨC	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
464	2451020015	KHÔNG THỊ HỒNG HẠNH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
465	2451020016	TRẦN THU HIỀN	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
466	2451020017	MA THỊ NGỌC HOA	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
467	2451020018	NGUYỄN MINH HUYỀN	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
468	2451020019	NGUYỄN AN KHANG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
469	2451020020	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
470	2451020021	THÂN THỊ THU LÀNH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
471	2451020022	ĐỖ DƯƠNG PHƯƠNG LINH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
472	2451020023	HÀ DIỆU LINH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
473	2451020024	PHẠM THỊ LINH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
474	2451020025	TRIỆU NGUYỄN ÁNH LINH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
475	2451020026	TRẦN PHƯƠNG LINH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
476	2451020027	BÀN THỊ ÁNH LY	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
477	2451020028	BÙI THỊ LY	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
478	2451020029	NGUYỄN KHÁNH LY	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
479	2451020030	NGUYỄN VŨ NGỌC LY	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
480	2451020032	TRẦN GIA MỸ	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
481	2451020033	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
482	2451020034	PHAN HỒNG NHUNG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
483	2451020035	VŨ TIỀN QUANG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
484	2451020036	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
485	2451020038	PHẠM THANH SANG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
486	2451020039	NGÔ TUẤN SƠN	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
487	2451020040	LÊ PHƯƠNG THẢO	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
488	2451020041	VŨ DUY THIẾT	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
489	2451020042	NGUYỄN ANH THƠ	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
490	2451020043	BÙI THỊ LỆ THU	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
491	2451020044	HOÀNG DIỆU THÚY	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
492	2451020045	MAI THỊ THU THÚY	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
493	2451020046	LÊ MINH THƯ	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
494	2451020047	ĐỖ THỊ THÙY TIÊN	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
495	2451020048	NGUYỄN PHÙNG HƯƠNG TRANG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
496	2451020049	NGUYỄN THỊ TRANG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
497	2451020050	TRỊNH NGUYỄN THÙY TRANG	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
498	2451020052	HOÀNG THỊ THẢO VY	KTCT_K44	KTCT	CN Mác-Lênin	100
499	2551020001	QUÁCH NGÂN AN	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
500	2551020002	TRẦN THÚY AN	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
501	2551020003	VŨ NGUYỄN TÂM AN	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
502	2551020004	HOÀNG LÊ QUỲNH ANH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
503	2551020006	LÊ HÀ ANH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
504	2551020007	TRẦN NGỌC TRÂM ANH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
505	2551020008	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
506	2551020009	NGUYỄN NGỌC GIA BẢO	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
507	2551020010	PHẠM NGUYỄN GIA BẢO	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
508	2551020011	LÊ KHÁNH CHI	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
509	2551020012	BÙI NGỌC DIỆP	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
510	2551020013	ĐINH BÙI ĐỨC DUY	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
511	2551020014	TRẦN ĐẶNG THÙY DƯƠNG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
512	2551020015	DƯƠNG TIẾN ĐẠT	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
513	2551020016	NGÔ HẢI ĐĂNG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
514	2551020017	LÝ MINH ĐỨC	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
515	2551020018	NGUYỄN THỊ KIỀU GIANG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
516	2551020020	PHẠM THỊ NGÔ HỒNG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
517	2551020021	ĐỖ LÝ HÙNG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
518	2551020022	LÊ MINH HUY	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
519	2551020023	ĐỖ KHÁNH LINH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
520	2551020024	ĐÀO THỊ MAI LINH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
521	2551020025	HOÀNG DIỆU LINH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
522	2551020026	LÊ THỊ NGỌC LINH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
523	2551020027	NGUYỄN THỊ LINH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
524	2551020028	NGUYỄN TRANG LINH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
525	2551020029	PHẠM THU NGỌC LINH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
526	2551020030	TÓNG PHƯƠNG LINH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
527	2551020031	NGUYỄN ÁNH NGỌC	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
528	2551020032	PHẠM THỊ ÁNH NGỌC	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
529	2551020033	NGUYỄN MINH NHẬT	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
530	2551020035	NGUYỄN KIM QUÂN	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
531	2551020036	HOÀNG THỊ DIỄM QUỲNH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
532	2551020037	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
533	2551020038	LÊ THỊ MINH THU	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
534	2551020039	CÙ THỊ HUYỀN TRANG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
535	2551020040	ĐỖ THU TRANG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
536	2551020041	ĐOÀN THU TRANG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
537	2551020042	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
538	2551020043	ĐOÀN THỊ QUỲNH VÂN	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
539	2551020044	NGUYỄN THANH XUÂN	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
540	2551020045	ĐOÀN THỊ YÊN	KTCT_K45	KTCT	CN Mác-Lênin	100
541	2350010001	NGÔ THANH AN	TRIẾT_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
542	2350010002	BÙI VÂN CẨM	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
543	2350010004	NÔNG THỊ THU CÚC	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
544	2350010007	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
545	2350010008	PHẠM THU HẰNG	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
546	2350010009	PHÙNG THỊ THÚY HẰNG	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
547	2350010010	NGUYỄN VĂN HÀO	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
548	2350010011	LÃ THỊ THU HIẾU	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
549	2350010012	NGUYỄN TRẦN VIỆT HOÀNG	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
550	2350010014	TRẦN HOÀNG KHÁNH LINH	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
551	2350010015	NGUYỄN PHAN DIỆU LY	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
552	2350010016	NGUYỄN PHƯƠNG LY	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
553	2350010017	PHẠM PHƯƠNG MAI	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
554	2350010018	NGUYỄN PHẠM BẢO MINH	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
555	2350010019	NGUYỄN ĐOÀN TRÀ MY	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
556	2350010021	BÙI THẢO NGỌC	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
557	2350010022	LINH BÍCH NGỌC	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
558	2350010023	TẠ THỊ BÍCH NGỌC	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
559	2350010025	NGUYỄN HỒNG NHUNG	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
560	2350010026	ĐẶNG THỊ HẢI OANH	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
561	2350010028	PHẠM THANH QUYỀN	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
562	2350010029	CAO THỊ MAI QUỲNH	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
563	2350010030	NGUYỄN THIÊN TÀI	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
564	2350010031	TRẦN THU THẢO	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
565	2350010034	BÙI MINH THÊM	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
566	2350010035	TRẦN ANH THƯ	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
567	2350010036	HÁN GIA THƯƠNG	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
568	2350010037	ĐỖ THÙY TRANG	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
569	2350010040	CAO NGỌC PHƯƠNG TRINH	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
570	2350010043	LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
571	2350010044	NGUYỄN HÀ VI	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
572	2350010045	BÙI BÁ VƯƠNG	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
573	2350010046	TRẦN THỊ YẾN VY	TRIET_K43	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
574	2450010002	NGUYỄN PHAN HUYỀN ANH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
575	2450010003	NGUYỄN QUỲNH ANH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
576	2450010004	TRẦN KIỀU ANH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
577	2450010005	VŨ HÀ ANH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
578	2450010006	VŨ HÀ ANH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
579	2450010008	BÙI HỒNG DUYÊN	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
580	2450010009	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
581	2450010010	LÊ THỊ ÁNH DƯƠNG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
582	2450010011	NGUYỄN THỊ GIA	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
583	2450010012	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
584	2450010013	VÕ THỊ HƯƠNG GIANG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
585	2450010015	VÕ DƯƠNG HÀO	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
586	2450010017	LÊ THỊ NGỌC HOA	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
587	2450010018	NGUYỄN HUY HOÀNG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
588	2450010021	TRẦN THỊ KHANH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
589	2450010022	CÔNG NGỌC KHÁNH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
590	2450010023	NGUYỄN TRƯỜNG TUẤN KIẾT	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
591	2450010024	VŨ NGỌC LAN	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
592	2450010025	ĐÀO HOÀNG LÂN	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
593	2450010026	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
594	2450010027	LÊ NGUYỄN THÙY LINH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
595	2450010029	PHAN HÀ LINH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
596	2450010031	LÊ THỊ TRÀ MY	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
597	2450010032	ĐỖ TRỊNH THẢO NGÂN	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
598	2450010033	HOÀNG BẢO NGỌC	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
599	2450010034	ĐOÀN THỊ NHUNG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
600	2450010035	BÙI NHƯ QUỲNH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
601	2450010037	VŨ CẨM HÀ SƯƠNG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
602	2450010039	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
603	2450010040	LÊ PHƯƠNG THẢO	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
604	2450010041	PHẠM PHƯƠNG THẢO	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
605	2450010042	NGUYỄN THỊ THUỶ	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
606	2450010043	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
607	2450010044	PHẠM NGỌC ANH THỨ	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
608	2450010045	NGUYỄN HOÀNG XUÂN TRÀ	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
609	2450010046	DƯƠNG LÊ HUYỀN TRANG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
610	2450010047	ĐỖ HUYỀN TRANG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
611	2450010048	PHẠM THỊ TRANG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
612	2450010049	PHẠM BẢO TRÂM	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
613	2450010050	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
614	2450010051	NGUYỄN THANH TÙNG	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
615	2450010052	TRẦN ĐOÀN NGỌC VÂN	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
616	2450010053	NGUYỄN BÁ VŨ	TRIET_K44	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
617	2550010003	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
618	2550010004	TRẦN HỒNG ANH	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
619	2550010005	LÊ BẢO CHÂU	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
620	2550010006	NGUYỄN KHÁNH DUY	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
621	2550010008	NGUYỄN VŨ CAO DƯƠNG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
622	2550010010	ĐẶNG TRÚC GIANG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
623	2550010011	VŨ NGÂN GIANG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
624	2550010012	TRẦN THỊ THANH HÀ	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
625	2550010013	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
626	2550010014	BÙI TUẤN HÙNG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
627	2550010015	DOÃN THỊ VIỆT HƯƠNG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
628	2550010016	CAO TRẦN THẢO LINH	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
629	2550010017	NGUYỄN HỒNG LINH	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
630	2550010018	NGUYỄN THẢO LINH	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
631	2550010020	NGUYỄN CHI MAI	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
632	2550010021	NGUYỄN HIỀN MAI	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
633	2550010022	PHÙNG THANH MAI	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
634	2550010023	BÙI NGỌC MINH	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
635	2550010024	NGUYỄN NHẬT MINH	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
636	2550010025	PHẠM THỊ TRÀ MY	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
637	2550010026	LÊ HÙNG NGUYỄN	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
638	2550010027	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
639	2550010028	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
640	2550010029	TRẦN BẢO QUỐC	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
641	2550010030	CHU THÚY QUỲNH	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
642	2550010031	TRƯƠNG THỊ MINH TÂM	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
643	2550010032	ĐINH PHƯƠNG THẢO	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
644	2550010033	PHẠM THỊ HOÀI THU	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
645	2550010034	TRẦN LÊ THANH THÙY	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
646	2550010036	LÊ ANH THU	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
647	2550010038	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
648	2550010039	PHẠM MINH TRÍ	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
649	2550010040	NGÔ ANH TÚ	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
650	2550010041	NGUYỄN NGỌC TÚ	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
651	2550010042	VŨ NGUYỄN VŨ	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
652	2550010043	NGUYỄN HỮU VƯỢNG	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
653	2550010044	NGUYỄN THỊ LÊ VY	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
654	2550010045	HOÀNG THỊ YẾN	TRIET_K45	TRIẾT	CN Mác-Lênin	100
655	2255330035	Đỗ Hoàng Phúc	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
656	2355330003	HOÀNG THUỶ ANH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
657	2355330004	LÊ TÚ ANH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
658	2355330005	NGUYỄN DUY ANH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
659	2355330006	PHẠM DUY ANH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
660	2355330007	PHẠM MAI ANH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
661	2355330008	NGUYỄN THỊ THÁI BÌNH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
662	2355330009	THÁI THỊ MINH CHÂU	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
663	2355330010	LÒ TRỊNH LINH CHI	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
664	2355330012	NGUYỄN NGỌC DU	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
665	2355330014	BÙI NGUYỄN MINH HÀ	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
666	2355330016	LÊ THỊ HƯỜNG	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
667	2355330018	NGUYỄN THANH HUYỀN	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
668	2355330019	NGUYỄN TUẤN KHẢI	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
669	2355330022	PHẠM HỒNG LIÊN	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
670	2355330023	ĐẶNG KHÁNH LINH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
671	2355330024	NGUYỄN KHÁNH LINH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
672	2355330025	PHẠM THỊ THÙY LINH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
673	2355330027	HOÀNG THỊ LOAN	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
674	2355330029	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
675	2355330030	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
676	2355330031	TÔ HẢI NAM	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
677	2355330032	NGUYỄN THỊ NGÀ	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
678	2355330033	TRẦN LUONG NGỌC NGÂN	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
679	2355330034	ĐÌNH THỊ OANH NGŨ	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
680	2355330036	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
681	2355330037	PHẠM HÀ NHI	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
682	2355330038	BÙI TUYẾT NHUNG	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
683	2355330040	UÔNG THỊ TÂM	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
684	2355330041	NHÂM TIẾN THÀNH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
685	2355330045	VIẾT THU THỦY	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
686	2355330046	NGUY TRUNG TÍCH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
687	2355330047	BÙI HUYỀN TRANG	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
688	2355330048	ĐẶNG QUỲNH TRANG	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
689	2355330049	NGÔ HUYỀN TRANG	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
690	2355330051	NGUYỄN THẢO UYÊN	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
691	2355330052	HOÀNG NGUYỄN VŨ	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
692	2355330053	VŨ NGỌC LINH	TTHCM_K43	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
693	2455330001	ĐÌNH PHƯƠNG ANH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
694	2455330002	TÔ HOÀNG TRÂM ANH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
695	2455330003	NGUYỄN THANH CẨM	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
696	2455330004	TRIỆU THỊ MỸ HẠNH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
697	2455330005	ĐỖ THỊ HẢO	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
698	2455330006	TRỊNH NGỌC HIỀN	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
699	2455330007	NGUYỄN MINH HOÀNG	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
700	2455330008	ĐẶNG TRỌNG HUY	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
701	2455330009	TRẦN QUANG HUY	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
702	2455330010	TRƯƠNG THỊ KIỀU	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
703	2455330011	LÊ THỊ LỆ	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
704	2455330012	NGUYỄN BẢNG LINH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
705	2455330013	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
706	2455330014	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
707	2455330015	NGUYỄN THỊ THUY LINH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
708	2455330016	NÔNG HÀ LINH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
709	2455330017	PHAN KHÔNG KHÁNH LINH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
710	2455330018	ĐỖ KHÁNH LY	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
711	2455330019	NGUYỄN CẨM LY	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
712	2455330020	NGUYỄN THẢO LY	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
713	2455330022	HÀ THỊ ÁNH NGÂN	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
714	2455330025	TRẦN THỊ THẢO NGUYÊN	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
715	2455330026	ĐỖ YẾN NHI	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
716	2455330027	ĐÀO YẾN NHI	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
717	2455330028	LÊ UYÊN NHI	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
718	2455330029	ĐẶNG HOÀNG OANH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
719	2455330030	HÀ THU PHƯƠNG	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
720	2455330031	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
721	2455330033	LÊ HƯƠNG QUỲNH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
722	2455330036	NGUYỄN LA NHẬT THU	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
723	2455330038	PHAN THỊ PHƯƠNG THUY	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
724	2455330039	HÀ THỦY TIÊN	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
725	2455330041	NGUYỄN THỊ THU TRANG	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
726	2455330042	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
727	2455330043	TRẦN LÊ THỦY TRANG	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
728	2455330044	ĐỖ THỊ THẢO TRINH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
729	2455330045	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
730	2455330046	NGUYỄN THỊ TƯƠI	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
731	2455330047	VŨ THỦY VINH	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
732	2455330048	NGUYỄN KHÁNH VY	TTHCM_K44	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
733	2555330001	ĐẶNG CHÂU ANH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
734	2555330002	HÀ TÚ ANH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
735	2555330003	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
736	2555330004	VŨ NGỌC ANH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
737	2555330005	CAO THỊ NGỌC ÁNH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
738	2555330006	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ÁNH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
739	2555330007	VŨ THỊ QUỲNH CHI	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
740	2555330008	PHÙNG TRÍ DŨNG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
741	2555330009	TRẦN ÁNH DƯƠNG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
742	2555330010	TRẦN TRỌNG ĐỨC	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
743	2555330012	TRẦN NGUYỄN THÁI HÀ	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
744	2555330013	LÊ THỊ HOA	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
745	2555330016	TỔNG TRẦN ĐỨC HUY	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
746	2555330017	KHUẤT NGUYỄN HƯƠNG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
747	2555330018	ĐẶNG HỮU HƯỜNG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
748	2555330019	NGUYỄN NAM KHÁNH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
749	2555330020	BÙI VŨ TRÚC LAM	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
750	2555330021	ĐẶNG HUYỀN LINH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
751	2555330022	NGUYỄN MAI LINH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
752	2555330023	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
753	2555330024	NGHIÊM THỊ NGỌC MINH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
754	2555330025	PHÙNG THỊ NGỌC MINH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
755	2555330026	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
756	2555330027	TRẦN HIỀN MY	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
757	2555330028	PHẠM HOÀNG BẢO NGỌC	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
758	2555330029	BÙI NGUYỄN YẾN NHI	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
759	2555330030	LÊ NGUYỄN NGỌC NHI	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
760	2555330031	NGUYỄN YẾN NHI	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
761	2555330032	ĐINH QUỲNH PHƯƠNG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
762	2555330033	PHÙNG THANH THẢO	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
763	2555330034	TRƯƠNG THỊ THƠM	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
764	2555330036	BÙI XUÂN THƯ	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
765	2555330037	NGUYỄN MINH TRANG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
766	2555330038	NGUYỄN NGỌC MINH TRANG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
767	2555330039	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
768	2555330040	NGUYỄN THỦY TRANG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
769	2555330041	PHẠM LÊ HUYỀN TRANG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
770	2555330042	PHÙNG THỊ MAI TRANG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
771	2555330043	VŨ QUỲNH TRANG	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
772	2555330044	LÊ ANH TUẤN	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
773	2555330045	DƯƠNG KHÁNH VI	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
774	2555330046	PHẠM HÀ VI	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
775	2555330047	NGUYỄN QUANG VINH	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
776	2555330048	LÊ PHƯƠNG VY	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
777	2555330049	LÊ HẢI YẾN	TTHCM_K45	TTHCM	CN Mác-Lênin	100
778	2352020095	Mai SIHUEANGXAY	XĐĐ_K43A1	XĐĐ	SV LÀO	100
779	2352020096	Phonephet THONGMANIVONG	XĐĐ_K43A1	XĐĐ	SV LÀO	100
780	2352020097	Khamphouvong OUNKEO	XĐĐ_K43A1	XĐĐ	SV LÀO	100
781	2352020098	Phouttha MOUNPHACHANH	XĐĐ_K43A1	XĐĐ	SV LÀO	100
782	2352020099	Somchanh NIMMANY	XĐĐ_K43A1	XĐĐ	SV LÀO	100
783	2355310060	Thavone SOUVANNAVONG	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
784	2355310061	Kiengkham VONGDACHAN	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
785	2355310062	Outhith SANHPUNYA	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
786	2355310050	Phengsen BOUNPHAVANH	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
787	2355310051	Thongkhan INNALONG	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
788	2355310052	Khanthong INTHAVONG	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
789	2355310053	Khampheng INTHAVONG	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
790	2355310054	Thongkhuem KEONOLIN	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
791	2355310055	Phoutsakhone KEOVONGSA	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
792	2355310056	Noukone KHAMMAVONGSIM	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
793	2355310057	Phitsamai KHOUNSOMBATH	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
794	2355310058	Phetthavy PIDCHAVONG	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
795	2355310059	Thotsakan SEENTHAVY	CTPT_K43	CTH	SV LÀO	100
796	2455310074	Keonoyxay VAYSOULINGEUN	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
797	2455310063	SOMWANG XAPAKDY	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
798	2455310067	KHAMSAENG VILAISAK	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
799	2455310062	SOMMAY SIMMAVONG	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
800	2455310060	DAOPHET SOYDALA	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
801	2455310066	CHANDY DUANGPHASITH	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
802	2455310064	THONGSAVARD SENGCHANDY	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
803	2455310065	VANHVIENGXAY PHOMMASENG	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
804	2455310071	PHOSEE PHASEEARN	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
805	2455310069	KONGXAY XAYABOUTH	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
806	2455310070	KHAMCHAN SEANPATI	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
807	2455310061	MANIVAN LATSAVONG	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
808	2455310068	THANOUSONE PHUANGPHETH	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
809	2455310072	CHANTHAPHONE SENGSOULIYO	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
810	2455310073	SOMSACK SYSOMPHONE	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
811	2455310059	SOULIXAY THAMMAVONGSA	CTPT_K44	CTH	SV LÀO	100
812	2451040164	KHANNGUNE KHAMSAKDA	TTĐPT_K44A3	BC-TT	SV LÀO	100
813	2554030090	VIKANDA CHOMTHAVI	QLC_K45A1	CTH	SV LÀO	100
814	2554030091	OULAIBONE BOUTVINAY	QLC_K45A1	CTH	SV LÀO	100
815	2555310061	Bounlom KHAMPHUEY	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
816	2555310060	Dao KEOKHAMPHONE	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
817	2555310047	LODKEO DOUANGBOUTDY	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
818	2555310048	KEO OUDONE THAMMAVONG	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
819	2555310049	VIXAY PHANTHAVONG	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
820	2555310050	VARTHSANA SANGMEXAI	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
821	2555310051	SOULIPHON SYSOMPHONE	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
822	2555310052	KITO PHETBOUNTHAM	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
823	2555310053	BOUNPHENG CHITMANY	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
824	2555310054	SOUNY NOUKIXONG	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
825	2555310055	PHONG SIMIXAY	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
826	2555310056	KHANTHAVONG KHAMVONGSA	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
827	2555310057	CHAMPA THAVICHITH	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Đối tượng	% miễn giảm
828	2555310058	VILAYSING SAVANLOUANG	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
829	2555310059	LINDA PHOMMACHANE	CTPT_K45	CTH	SV LÀO	100
830	2551040165	CHANNAPHA SOMSANITH	TTĐPT_K45A1	BC-TT	SV LÀO	100
831	2553010049	LATXIA SENGPHOUSY	XHH_K45	XHHPT	SV LÀO	100

Tổng số : 831 sinh viên



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn